

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2023

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi
ly hôn .

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện
N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Đinh
Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 08
tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm
2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm
2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp K, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Mạnh Th, sinh năm 1987

Địa chỉ: Phố B, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải,
nguyên đơn Chị Nguyễn Huyền Tr trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị Tr và anh Th kết hôn trên cơ
sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2014 tại UBND
Thị trấn N. Sau khi cưới chị và anh Th sinh sống tại Phố B, Thị trấn N, huyện N,
tỉnh Ninh Bình cùng gia đình anh Thắng. Chị xác định chị và anh Th chỉ sống hạnh
phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không

hợp nhau, hiện tại anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Thắng, không thể chung sống được với anh Thắng, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh Thắng.

Về con chung: Chị Trxác định chị và anh Thcó 01 con chung là cháu Trần Hoàng Â, sinh ngày 21/12/2020, hiện cháu đang ở với chị. Nếu được giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Thcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Anh Trần Mạnh Th: Mặc dù Tòa án đã báo gọi nhiều lần, đã thực hiện việc tổng đạt qua bố đẻ anh Thlà ông Trần Văn Cảnh, tuy nhiên anh Thkhông đến Tòa án làm việc và cũng không có phản hồi bằng văn bản cho Tòa án.

Tại Biên bản xác minh và xác nhận thông tin cư trú thể hiện anh Thvẫn có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là Phố B, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn xin xử vắng mặt, Chị Trvẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Thvà xin giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại Phố B, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Huyền Tr. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Huyền Tr và Anh Trần Mạnh Th.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Trần Hoàng Â, sinh ngày 21/12/2020, cho Chị Tr tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trang.

2. *Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Huyền Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Tr và anh Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Chị Tr và anh Th thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Tr với anh Th là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr và anh Th có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Ân, sinh ngày 21/12/2020, hiện tại cháu đang ở với Chị Tr. Nguyên vọng của Chị Tr xin tiếp tục nuôi cháu Ân và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Tr khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Ân ở với chị từ nhỏ cho tới hiện tại. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho cháu nên tiếp tục giao cháu cho Chị Tr chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do Chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Huyền Tr phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Huyền Tr. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Huyền Tr và Anh Trần Mạnh Th.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Trần Hoàng Ân, sinh ngày 21/12/2020, hiện cháu đang ở với chị Trang, cho Chị Tr tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Hoàng Ân đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trang.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Huyền Tr phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003821 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND Thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH